| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HÒA BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2018/KDTM-PT
Ngày: 15-11-2018
V/v: *Tranh chấp phạt vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa và yêu cầu bồi thường thiệt hại*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Dụ

*Các thẩm phán:* Ông Lê Văn Tuấn

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Hoài Thương - Thư ký tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình***: Ông Bùi Đức Hạnh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLPT- KDTM ngày 02 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp phạt vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐPT- KDTM ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ vận tải xuất nhập khẩu A** *(nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn A).*

Địa chỉ theo đơn khởi kiện: phường A, quận D, thành phố P .

Địa chỉ khi xét xử phúc thẩm: phường T, quận D, thành phố P.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị C - Giám đốc Công ty; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền:

**1.1.**Ông Nguyễn Văn H - Phó giám đốc công ty (Giấy ủy quyền ngày 30-7-2018); có mặt.

**1.2.**Bà Lê Thị Thúy T - Trưởng phòng nghiệp vụ công ty (Giấy ủy quyền ngày 30-7-2018); có mặt.

-*Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn*: Luật sư Nguyễn Đức Năng - công ty luật Dragon thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

**2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn B**

Địa chỉ: phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Đức M - Giám đốc Công ty; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Lan A - Kế toán Công ty (Giấy ủy quyền ngày 14-11-2018); có mặt.

**3.** Người kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ vận tải xuất nhập khẩu A (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn A).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo án sơ thẩm,nguyên đơn - Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ vận tải xuất nhập khẩu A (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn A) trình bày:***

Ngày 02-11-2016, Công ty A và Công ty trách nhiệm hữu hạn B (gọi tắt là Công ty B ) ký hợp đồng kinh tế số 01/2016/HĐMB/ĐM-TD với nội dung:

Công ty A có trách nhiệm cung cấp các loại ống (gọi là hàng hóa) với số lượng, quy cách, tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng và giá cả như quy định tại phụ lục 01 của hợp đồng đính kèm. Công ty B có trách nhiệm thanh toán tiền 3 lần, trong đó lần 1 thanh toán 20% giá trị hàng hóa trong vòng 3 ngày sau khi ký hợp đồng. Tuy nhiên Công ty B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay lần đầu tiên, Công ty A đã 04 lần gửi công văn liên tiếp vào các ngày 05-11-2016, ngày 16-11-2016, ngày 21-11-2016 và ngày 02-12-2016 yêu cầu Công ty B thực hiện hợp đồng đã ký nếu không sẽ áp dụng các điều khoản phạt vi phạm hợp đồng. Hành vi không thanh toán theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng của Công ty B đã vi phạm quy định tại Điều 3, Điều 5 của hợp đồng. Công ty A khởi kiện, yêu cầu:

- Phạt vi phạm hợp đồng: Công ty B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty A tiền phạt là 5% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền 278.135.150 đồng.

- Để chuẩn bị lượng hàng hóa cung cấp cho Công ty B theo hợp đồng đã ký, ngày 03-11-2016, Công ty A có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 10/TD-JB/2016 với Công ty trách nhiệm hữu hạn (viết tắt là TNHH) xuất nhập khẩu thiết bị hàng hải C với tổng giá trị hợp đồng là 196159,23 USD. Tuy nhiên do phía Công ty B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên hợp đồng số 10/TD-JB/2016 đã ký kết không thực hiện được dẫn đến Công ty A bị phạt 19.615,92 USD tương đương 445.183.304 đồng Việt Nam.

Tổng cộng, Công ty B phải thanh toán cho Công ty A: Tiền phạt vi phạm 5% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền 278.135.150 đồng; bồi thường thiệt hại

19.615,92 USD tương đương 445.183.304 đồng Việt Nam; tổng cộng là 723.318.454 đồng.

***Bị đơn - Công ty trách nhiệm hữu hạn B trình bày:***

Xác nhận nội dung hợp đồng mua bán ống và phụ kiện đường ống đúng như Công ty A đã trình bày. Theo Điều 3 của Hợp đồng số 01/2016/HĐMB/ĐM -TD, Công ty B sẽ tạm ứng 20% giá trị hợp đồng, nhưng do tình hình tài chính của Công ty B đến thời điểm đặt cọc gặp khó khăn, nên gửi công văn số 42/CV/ĐM ngày 06-11-2016 về việc chậm thanh toán đồng thời khẳng định Công ty B vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng như đã ký. Về việc chậm thanh toán thì theo khoản 6.3, Điều 6 của Hợp đồng số 01/2016/HĐMB/ĐM-TD, Công ty B sẽ chịu lãi tiền chậm trả 1,5 lần lãi vay ngân hàng Vietcombank của khoản tiền không trả đúng hạn theo quy định, nhưng Công ty A không thông cảm, từ chối nhận công văn số 42 của Công ty B, lấy lý do và tự hiểu việc chậm thanh toán như một hình thức đơn phương chấm dứt hợp đồng. Theo Hợp đồng số 01/2016/HĐMB/ĐM- TD thì không có điều khoản nào quy định việc chậm thanh toán tiền tạm ứng được coi là đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Mặt khác đến thời điểm Công ty A giao hàng cho Công ty B theo Hợp đồngsố 01/2016/HĐMB/ĐM- TD đã ký, phía Công ty B không nhận được thông báo nào của Công ty A về việc hàng hóa đã chuẩn bị xong; thực tế Công ty A cũng không có hàng hóa để giao cho Công ty B. Theo khoản 6.4, Điều 6 của Hợp đồng "Việc chậm bàn giao hàng quá 2 tuần mà không có sự đồng ý nào của bên A bằng văn bản thì bên A có quyền đơn phương hủy hợp đồng mà bên B không có quyền khiếu nại ". Việc Công ty A ký hợp đồng với bên thứ 3 Công ty B không có liên quan gì và cũng không được biết.

Do vậy, Công ty B không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A .

*Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/ KDTM-ST ngày 25 /6/2018, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:*

Áp dụng khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, điều 267 BLTTDS năm 2015, điều 319 Luật thương mại 2005.

Áp dụng khoản 3 điều 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải xuất nhập khẩu A.

Về án phí: Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải xuất nhập khẩu A phải nộp 32.932.738 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27-6-2018, Công ty A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Bản án sơ thẩm không xem xét đầy đủ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; không đánh giá vụ việc khách quan, toàn diện. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 25-6-2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

***Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:***

Về yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng: Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngay trong lần đầu tiên với Công ty A nên Công ty A không thể giao hàng cho Công ty B theo hợp đồng, căn cứ Điều 410, Điều 411 Bộ luật dân sự quy định về *"Thực hiện hợp đồng song vụ","Quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng song vụ"*. Công ty B vi phạm Điều 3, Điều 5, Điều 6 của Hợp đồng số 01/2016/HĐMB/ĐM- TD, nên phải chịu phạt 5% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền 278.135.150 đồng.

Về yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại: Ngày 03-11-2016, Công ty A đã ký hợp đồng với bên thứ ba (Công ty C - Trung Quốc) để cung cấp hàng hóa cho Công ty B. Do Công ty B đơn phương chấm dứt hợp đồng nên phải bồi thường.

***Đại diện theo ủy quyền của Công ty A trình bày bổ sung***

Ngày 03-11-2016, Giám đốc Công ty A nhận được điện thoại của Giám đốc Công ty B, Giám đốc hai Công ty đã gặp nhau để trao đổi về việc Công ty B không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng không có kết quả, do Công ty B không có thiện chí tiếp tục thực hiện hợp đồng. Việc Giám đốc hai Công ty trao đổi không thể hiện bằng văn bản.

Ngày 03-11-2016, Công ty A ký hợp đồng với Công ty TNHH xuất nhập khẩu thiết bị hàng hải C (Trung Quốc) để đơn vị này giao hàng hóa cho công A. Việc Công ty A ký hợp đồng với công ty TNHH xuất nhập khẩu thiết bị hàng hải C thì Công ty A không thông báo cho Công ty B biết. Cùng ngày 03-11-2016 Công ty A đã chuyển tiền cho bên thứ ba là Công ty C để mua hàng hóa giao cho Công ty B theo hợp đồng đã ký. Tuy nhiên Công ty A có thiếu sót là không bóc tách từng khoản tiền cụ thể. Đề nghị hủy án sơ thẩm.

***Đại diện theo ủy quyền của Công ty B trình bày***

Xác nhận việc ngay sau khi ký hợp đồng, Công ty B có khó khăn về tài chính, nên ngày 03-11-2016, Giám đốc Công ty B và Giám đốc Công ty A đã trực tiếp trao đổi về việc Công ty A thông cảm cho Công ty B đúng như đại diện Công ty A trình bày tại phiên tòa phúc thẩm. Theo hợp đồng đã ký đến hạn Công ty A giao hàng hóa Công ty B nhưng Công ty A không thực hiện, vì thế Công ty B phải ký hợp đồng với đơn vị khác.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến***

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và thư ký Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS) tuân thủ đúng quy định về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử quy định từ tại Điều 285 đến 292 BLTTDS. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

*Công ty A yêu cầu phạt Công ty B do đơn phương chấm dứt hợp đồng là 278.135.150 đồng (5% giá trị hợp đồng)*

Hợp đồng số 01/2016/HĐMB/ĐM-TD giữa Công ty A và Công ty B ký kết ngày 02-11-2016 không có điều khoản nào quy định việc Công ty B chậm thanh toán là đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Theo điểm 2.1 điều 02, điểm 3.2 điều 03, điểm 6.3 điều 06 của hợp đồng, Công ty B có trách nhiệm thanh toán tiền đặt cọc 20% giá trị hợp đồng cho Công ty A chậm nhất là ngày 04-11-2016, nếu chậm thanh toán thì phải chịu lãi suất bằng 1,5 lần lãi vay của ngân hàng Vietcombank trên khoản tiền không trả đúng hạn nhưng không được chậm quá 30 ngày. Việc Công ty B không thanh toán tiền cọc như hợp đồng mặc dù Công ty A đã có yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nhưng không phải là đơn phương chấm dứt hợp đồng.

*Về yêu cầu bồi thường thiệt hại*

Theo Điều 424, Điều 427 BLDS năm 2015, Điều 301, Điều 302 Luật thương mại năm 2005 thì Công ty A có quyền hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu Công ty B bồi thường thiệt hại do việc vi phạm nghĩa vụ hợp đồng được quy định tại điểm 6.5 Điều 06 của hợp đồng khi có căn cứ chứng minh Công ty A bị thiệt hại do Công ty B gây ra và thiệt hại phải từ chính hợp đồng số 01/2016/HĐMB/ĐM-TD ký kết ngày 02-11-2016 giữa Công ty A và Công ty B. Trong vụ án này, hợp đồng số 01/2016/HĐMB/ĐM-TD ký kết ngày 02-11-2016 giữa Công ty A và Công ty B độc lập, không liên quan gì tới với hợp đồng số 10/TD-JB/2016 mà Công ty A đã ký với Công ty TNHH xuất nhập khẩu thiết bị hàng hải C; mặt khác chỉ dựa vào tài liệu do Công ty A cung cấp là Thông báo tiền phạt ngày 05-7-2017 và giấy xác nhận thanh toán ngày 26-10-2017 của Công ty C mà không có tài liệu chứng cứ nào khác liên quan để chứng minh. Do đó, Công ty A yêu cầu Công ty B bồi thường thiệt hại số tiền 19.615,92 USD (tương đương 445.183.304 đồng) là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 25-6-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.

Sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên toà, tranh luận của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa; xét đơn kháng cáo của Công ty A;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về tố tụng: Công ty A khởi kiện Công ty B yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa 02 Công ty đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có địa chỉ ở thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2].Về nội dung:

[2.1]. Về xác định thỏa thuận của các bên trong hợp đồng mua bán ống và phụ kiện đường ống ngày 02-11-2016:

Tại khoản 3.2 Điều 3 của hợp đồng, các bên thỏa thuận: Công ty B thanh toán lần 1 cho Công ty A 20% giá trị hợp đồng tương đương số tiền 1.112.540.600 đồng trong vòng 03 ngày sau khi kí hợp đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của hai Công ty đều thừa nhận: Ngày 03-11-2016, Giám đốc Công ty B đã liên lạc với Công ty A về việc tài chính của Công ty B gặp khó khăn, cùng ngày 03-11-2016, lãnh đạo hai Công ty đã trực tiếp gặp nhau để trao đổi bàn bạc về việc thực hiện hợp đồng đã ký ngày 02-11-2016 nhưng không có kết quả; việc giám đốc hai Công ty gặp và trao đổi về việc thực hiện hợp đồng nhưng không lập thành văn bản.

Công ty A cho rằng Công ty B vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền tạm ứng 20% ngay trong lần đầu tiên nên đã 04 lần gửi văn bản yêu cầu B thực hiện hợp đồng nhưng Công ty B không hợp tác. Theo khoản 6.5 điều 6 Hợp đồng kinh tế số 01/2016/HĐMB/ĐM-TD ngày 02-11-2016 giữa Công ty A và Công ty B quy định về khiếu nại và phạt hợp đồng, thì: "nếu một trong hai bên đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải do lỗi của bên kia, bên tự chấm dứt hợp đồng sẽ phải bồi thường cho bên kia 5% giá trị hợp đồng...". Công ty A đề nghị Công ty B bồi thường thiệt hại cho Công ty A số tiền 5% giá trị hợp đồng.

Công ty B cho rằng: Sau khi ký hợp đồng 01 ngày, ngày 03-11-2016 Công ty B đã trao đổi ngay với Giám đốc Công ty A về tài chính của Công ty gặp khó khăn đồng thời đã 02 lần gửi văn bản tới Công ty A để trao đổi về việc chậm thanh toán (công văn số 42/CV/ĐM ngày 06-11-2016 và công văn số 43/CV/ĐM ngày 22-11-2016), khẳng định Công ty B không đơn phương chấm dứt hợp đồng với Công ty A.

[2.2].Với những diễn biến sự việc như trên, có thể xác định: Hai bên ký hợp đồng và đã thỏa thuậntrong vòng 03 ngày (từ ngày 02-11-2016 đến ngày 04-11-2016), Công ty B tạm ứng cho Công ty A 20% giá trị hợp đồng tương đương số tiền 1.112.540.600 đồng. Tuy nhiên, ngay sau khi ký hợp đồng 01 ngày, ngày 03-11-2016, đại diện Giám đốc hai Công ty đã gặp gỡ trao đổi về việc Công ty B chậm thanh toán tiền tạm ứng lần 1 (20% giá trị hợp đồng).

Như vậy việc Giám đốc hai công ty gặp nhau trao đổi ngày 03-11-2016 về việc thực hiện hợp đồng nhưng không lập văn bản, không bổ sung quy định trường hợp Công ty B chậm thanh toán tiền tạm ứng lần 01 thì bị coi là đơn phương chấm dứt hợp đồng. Mặt khác, hợp đồng đã ký không có điều khoản nào quy định việc chậm thanh toán bị coi là đơn phương chấm dứt hợp đồng. Do đó, Công ty A yêu cầu Công ty B phải chịu phạt 5% giá trị hợp đồng là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của Công ty A là đúng.

[2.3].Xét yêu cầu Công ty B bồi thường thiệt hại cho Công ty A khoản tiền 445.183.304 đồng do TD bị Công ty C phạt hợp đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty A trình bày: Ngày 03-11-2016 Công ty A ký Hợp đồng với Công ty TNHH xuất nhập khẩu thiết bị hàng hải C nhưng không thông báo cho Công ty B biết. Công ty A nhận có thiếu sót là không bóc tách từng khoản tiền cụ thể mà Công ty A đã bồi thường cho Công ty TNHH xuất nhập khẩu thiết bị hàng hải C.

Theo khoản 6.5 điều 6 Hợp đồng kinh tế số 01/2016/HĐMB/ĐM-TD ngày 02-11-2016 quy định về khiếu nại và phạt hợp đồng, thì: “nếu một trong hai bên đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải do lỗi của bên kia, bên tự chấm dứt hợp đồng sẽ phải bồi thường cho bên kia 5% giá trị hợp đồng...”. Theo điều 424, Điều 427 BLDS 2015, Điều 301, Điều 302 Luật thương mại năm 2005 thì Công ty A có quyền hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu Công ty B bồi thường thiệt hại do việc vi phạm nghĩa vụ hợp đồng theo điểm 6.5 Điều 06 của hợp đồng đã ký.

Như vậy Công ty A không có căn cứ chứng minh bị thiệt hại do Công ty B gây ra từ chính hợp đồng mà hai bên đã ký ngày 02-11-2016. Hợp đồng giữa hai bên đã ký ngày 02-11-2016 là độc lập, Công ty B không biết Công ty A ký hợp đồng ngày 03-11-2016 với bên thứ ba (Công ty TNHH xuất nhập khẩu thiết bị hàng hải C). Hơn nữa, Công ty A không có chứng cứ chứng minh đã chuyển từng khoản tiền cụ thể để bồi thường cho bên thứ ba; chỉ dựa vào Thông báo tiền phạt ngày 05-7-2017, giấy xác nhận thanh toán ngày 26-10-2017 của Công ty C do Công ty A xuất trình mà không có tài liệu chứng cứ nào khác liên quan đến hợp đồng đã ký ngày 02-11-2016 để chứng minh Công ty A bị thiệt hại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm

không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của Công ty A là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên thấy rằng kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình đề nghịkhông chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là phù hợp.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên Công ty A phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sựnăm 2015 và Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Bởi các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Căn cứ:** khoản 1Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải xuất nhập khẩu A (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn A). Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 25-6-2018 của Tòa án nhân dân thành phố H. Cụ thể:

**2. Áp dụng**: khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 267 BLTTDS năm 2015; Điều 319 Luật thương mại năm 2005; khoản 3 điều 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải xuất nhập khẩu A (Công ty trách nhiệm hữu hạn A).

**3. Về án phí:** Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải xuất nhập khẩu A (Công ty trách nhiệm hữu hạn A) phải chịu 32.932.738 (Ba mươi hai triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi tám đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 (hai triệu) đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.450.000 (Mười sáu triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003358, ngày 18-10-2017 và 2.000.000 (hai triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005289 ngày 12-7-2018của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải xuất nhập khẩu A (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn A) còn phải nộp 16.482.738 (Mười sáu triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi tám) đồng án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 15 – 11 – 2018.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao tại Hà Nội*
- *VKSND cấp cao tại Hà Nội;*
- *VKSND tỉnh Hòa Bình*
- *TAND TP. HB*
- *Chi cục THADS TP. HB*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Dụ**